

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 11 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện – Hội người cao tuổi;

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Trang – Giáo viên Trường tiểu học Bình Hòa 2.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 206/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2021/QĐ-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14/01/1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 209 ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông (không rõ tên) và bà Nguyễn Thanh H; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2020. Có mặt.

2. Phạm Văn B, sinh ngày 21/7/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Đại, sinh năm 1983 và bà Võ Thị Thùy L, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/12/2020 đến ngày 11/12/2020 trả tự do; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/6/2021 đến nay. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Thùy L, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (là mẹ ruột, cha ruột của bị cáo Phạm Văn B). Vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B: Ông Cao Ngọc L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Ấp Suối L, xã Dương T, huyện Phú Q, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Ấp Bến Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hoàng E. Vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Thế S. Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Trần Thanh T. Vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Văn T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn B, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Trần Thanh T và Nguyễn Hoàng E là bạn bè quen biết nhau do có thời gian làm việc chung tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình ở chung phòng trọ tại ấp Bến Đò, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, B có mượn xe mô tô biển số 68T1-496.63 của Tín để đi công việc nhưng sau đó không trả lại mà bỏ trốn từ ngày 09/11/2020. Trong thời gian này, Tín đã làm đơn trình báo sự việc trên đến Công an xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về việc B chiếm đoạt xe mô tô của mình.

Đến ngày 06/12/2020, Nguyễn Trần Thanh Tín đi cùng với Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Hoàng Em tìm B để đòi lại xe mô tô cho Tín. Nhóm của Tín sử dụng tài khoản zalo với hình đại diện là nữ để hẹn gặp B tại quán cà phê Hello trong khu dân cư Việt Sing thuộc phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/12/2020, B đến quán cà phê Hello thì gặp nhóm của Tín nên đã điều khiển xe mô tô biển số 68T1-496.63 bỏ chạy, nhóm của Tín đuổi theo B và bắt giữ được B tại bãi đất trống, lấy lại xe mô tô biển số 68T1-496.63. Do giấy tờ xe nêu trên B để ở phòng trọ ở thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên cả nhóm đưa B đi lấy. Khi đi, Tín có nhờ Nguyễn Thị Thu T và người tên Bi (không rõ lai lịch) là bạn của B đang ngồi chơi tại bãi đất trống chạy xe giúp nhóm của Tín để đưa B đi lấy giấy tờ xe nhưng không tìm thấy. Lúc này B gọi cho bạn tên Vân (không rõ lai lịch) gọi điện nhờ đến phòng trọ của B ở KDC Việt Sing lấy giấy tờ xe đem đến cho B còn nhóm Tín chờ B về nhà nghỉ Tuấn Anh 2, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An để chờ Vân. Sau khi Vân đưa giấy tờ xe đến nhà nghỉ để trả lại cho Tín thì cả nhóm gồm Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoàng Thanh Tín, Nguyễn Hoàng Em, Bi, Vân, Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Tuấn cùng tổ chức ăn uống chung tại nhà nghỉ. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/12/2020, Bi chờ Vân đi về, Tín chờ Tuấn về. Trong phòng nhà nghỉ lúc này còn lại Nguyễn Hoàng Em, Nguyễn Hoàng N, Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T. Lúc này, B thấy N đang nằm ngủ còn Nguyễn Hoàng Em đang bấm điện thoại nên đã lên lấy trộm chìa khóa xe mô tô biển số 68P1-618.59

(xe của Nguyễn Hoàng N) bỏ vào túi. Sau khi lấy trộm được chìa khóa xe B đã nhắn tin bằng Facebook cho Nguyễn Thị Thu T với nội dung bàn bạc lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen, biển số 68P1-618.59, T đồng ý. B đã lên lút đưa chìa khóa xe mô tô cho T và nói với T giả vờ đi ra ngoài mua thuốc uống cho B rồi xuống sảnh nhà nghỉ để đẩy xe mô tô biển số 68P1-618.59 ra ngoài cổng đợi B. T được B đưa chìa khóa xe rồi đi xuống sảnh nhà nghỉ nổ máy xe mô tô biển số 68P1-618.59 chạy ra để ở ngoài cổng nhà nghỉ, sau đó T đi lên lại phòng nhà nghỉ giả vờ hỏi B là mua thuốc gì, khi nghe T hỏi như vậy B biết T đã lấy được xe ra ngoài. Lúc này, B bỏ đi ra ngoài hành lang rồi cùng T chạy xuống nơi để xe mô tô nổ máy xe định bỏ chạy thì bị Nguyễn Hoàng Em phát hiện chạy theo giữ kéo T lại, còn B thì tăng ga điều khiển xe mô tô biển số 68P1-618.59 chạy thoát.

Đến ngày 09/12/2020, khi Phạm Văn B đang ngồi sửa xe tại tiệm Hải Đăng thuộc phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An thì bị Nguyễn Hoàng N và bạn phát hiện B cùng tài sản là xe mô tô biển số 68P1-618.59 nên đã bắt giữ B và trình báo Cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen, biển số 68P1-618.59; 01 điện thoại di động Iphone 5.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản kết luận 01 xe mô tô hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen, biển số 68P1-618.59 trị giá 38.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi của Phạm Văn B số 2295/C09B ngày 20/4/2021 xác định thời điểm giám định (tháng 4 năm 2021) Phạm Văn B có độ tuổi từ 17 năm 03 tháng đến 17 năm 09 tháng.

Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Hoàng N khai nhận toàn bộ sự việc bị cáo Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen, biển số 68P1-618.59 vào ngày 07/12/2020 tại nhà nghỉ Tuấn Anh 2, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An. Bị hại N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự: Bị hại N yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 218/CT-VKS-TA ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, chưa xảy ra thiệt hại về mặt vật chất nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Phạm Văn B khi thực hiện hành vi phạm tội có độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung 2017 để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn B từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 của bị cáo Nguyễn Thị Thu T.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B trình bày:* Thống nhất toàn bộ nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo B về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vụ án một cách toàn diện phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo, áp dụng các tình tiết về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo. Bị cáo Phạm Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo nhằm làm rõ vụ án, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Tài sản chiếm đoạt đã thu hồi giao trả cho bị hại, phía bị hại cũng không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên. Mặt khác, theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi thì thời điểm phạm tội, bị cáo Phạm Văn B là người chưa thành niên nên nhận thức không đầy đủ việc làm sai trái của mình nên áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xử lý bị cáo. Từ những căn cứ và lý do trên, kính mong Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ Luật hình sự 2015, cũng như xem xét một cách toàn diện tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Phạm Văn B trong vụ án trên và tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội, cũng như có được một Bản án công tâm, hợp tình hợp lý, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

- Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

- Quá trình tố tụng, bị cáo Phạm Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình tố tụng, bị cáo Phạm Văn B đã được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú của Công an thành phố Thuận An; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An; Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, bị cáo chỉ được phép cư trú tại Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Trong giai đoạn xét xử bị cáo Phạm Văn B trốn, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 01/2021/QĐST-HS ngày 20/9/2021 và yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị cáo. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thuận An đã ra Quyết định truy nã

bị cáo Phạm Văn B số 40 ngày 20/9/2021 và việc quyết định truy nã không có kết quả nên Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo B theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B là ông Cao Ngọc L, sinh năm 1989 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương vắng mặt, có văn bản bào chữa, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thuận An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Quá trình tố tụng, các bị cáo Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại; lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 07/12/2020 tại nhà nghỉ Tuấn Anh 2, thuộc khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, Phạm Văn B đã có hành vi bàn bạc, rủ rê bị cáo Nguyễn Thị Thu T cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Suzuki, loại Raider, màu đen, biển số 68P1-618.59 của bị hại Nguyễn Hoàng N trị giá 38.000.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng truy tố các bị cáo Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T với tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật B vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tư lợi cá nhân các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, xét thấy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét tính chất đồng phạm, đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Phạm Văn B là người rủ rê, hướng dẫn bị cáo T cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt xe của bị hại; bị cáo T là người bị rủ rê nhưng lại tham gia tích cực, trực tiếp di chuyển tài sản của bị hại ra khỏi vị trí cất giữ ban đầu. Trong vụ án này, bị cáo B có vai trò cao hơn bị cáo T.

[6] Bị cáo Phạm Văn B khi thực hiện hành vi phạm tội có độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung 2017 để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

[7] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình tố tụng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, chưa xảy ra thiệt hại về mặt vật chất nên các bị cáo được hưởng các điểm h, i, s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 của bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hoàng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 47; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn B.

- Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 47; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T;

- Điều 106, 136, 333, điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn B và Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 12 năm 2020 đến ngày 11 tháng 12 năm 2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 12 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, Imei 013416003089904 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy), không nút home, bề màn hình nhiều nơi, bị trầy xước nhiều nơi.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa Công an thành phố Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An).

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn B, Nguyễn Thị Thu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo B, người đại diện hợp pháp và người B chữa cho bị cáo B; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

